



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023



Người ký: PHẠM LAN ANH
Cố quan: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG
NAM
Ký ngày: 14/08/2023 10:11:58

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 30/06/2023 là 110 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/04/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/05/2022 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 939/2023/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 14/08/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		784.384.080.434	379.408.806.631
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.919.927.405	70.984.127.588
1. Tiền	111		56.919.927.405	60.984.127.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		337.224.910.533	75.248.692.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	340.799.570.929	78.119.985.097
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.380.448.017	3.372.838.570
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	927.906.364	1.988.283.554
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.883.014.777)	(8.232.414.278)
IV. Hàng tồn kho	140	11	380.653.657.387	218.737.588.081
1. Hàng tồn kho	141		397.584.637.383	242.143.576.594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.930.979.996)	(23.405.988.513)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.585.585.109	4.438.398.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	9.130.444.154	4.438.398.019
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	455.140.955	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.257.705.394	111.975.232.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.610.089.898	22.555.009.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	22.610.089.898	22.555.009.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.120.678.025	63.163.113.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	59.910.662.307	62.743.082.165
- Nguyên giá	222		78.068.127.157	78.239.989.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.157.464.850)	(15.496.907.242)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	210.015.718	420.031.436
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	1.839.737.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.629.721.970)	(1.419.706.252)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	770.000.000	770.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.756.937.471	25.487.108.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	24.756.937.471	25.487.108.701
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		892.641.785.828	491.384.038.831

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		608.514.794.484	214.511.746.230
I. Nợ ngắn hạn	310		608.514.794.484	214.511.746.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	360.863.060.927	46.750.498.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	15.125.990.829	6.145.727.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	6.929.706.949	8.801.296.463
4. Phải trả người lao động	314		12.144.432.679	9.015.357.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	89.646.651.840	66.305.960.185
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	686.756.372	478.886.280
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	108.944.523.866	60.658.015.325
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.173.671.022	16.356.004.355
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.126.991.344	276.872.292.601
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	284.126.991.344	276.872.292.601
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	172.691.066.328	155.131.558.902
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	21.162.398.743	31.467.207.426
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.162.398.743	31.467.207.426
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		892.641.785.828	491.384.038.831


Tông Giám đốc

Lê Phương Mai
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	523.650.100.113	432.257.391.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.238.926.522	4.173.429.197
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		522.411.173.591	428.083.962.216
4. Giá vốn hàng bán	11	25	388.158.449.687	318.648.969.906
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		134.252.723.904	109.434.992.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	603.056.792	190.970.753
7. Chi phí tài chính	22	27	2.410.119.163	2.418.088.771
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.117.281.184	2.418.088.771
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	78.078.639.129	63.595.287.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	26.910.495.250	21.908.548.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.456.527.154	21.704.037.861
11. Thu nhập khác	31	29	39.151.853	41.243.000
12. Chi phí khác	32	30	15.356.282	-
13. Lợi nhuận khác	40		23.795.571	41.243.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.480.322.725	21.745.280.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	6.317.923.982	4.604.805.122
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.162.398.743	17.140.475.739
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.894	1.534
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.894	1.534

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	268.711.851.063	247.281.275.552
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(288.288.351.581)	(233.391.578.907)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.783.856.457)	(14.165.462.522)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.141.886.552)	(2.071.318.117)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.135.587.723)	(2.205.689.613)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.790.824.804	3.759.113.016
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.240.877.251)	(15.831.134.104)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(59.087.883.697)	(16.624.794.695)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(13.232.674.399)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	41.818.181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	603.056.792	190.970.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.644.874.973	(13.191.703.646)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	129.416.292.628	138.006.918.696
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.129.784.087)	(98.345.978.198)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.700.000)	(13.907.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	34.378.808.541	25.753.240.498
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(14.064.200.183)	(4.063.257.843)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	70.984.127.588	66.795.281.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	56.919.927.405	62.732.023.889

Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin. Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (Trừ hoạt động báo chí).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	460.095.358	72.758.716
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.459.832.047	60.911.368.872
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	10.000.000.000
Cộng	56.919.927.405	70.984.127.588

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	10.000.000.000
	-	10.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắc Lắc	36.597.901.354	4.718.304.992
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh	87.315.767.946	-
Các đối tượng khác	216.885.901.629	73.401.680.105
Cộng	340.799.570.929	78.119.985.097

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2023 là 70.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ		30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	3.350.448.223
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	16.929.824.227	310.351.677
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	14.575.110.818	5.563.018.549
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	6.779.708.990	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	87.315.767.946	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	2.105.688.350	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	6.389.772.329	2.423.031.351
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	8.801.698.902	6.252.087.078
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.342.754.328	1.708.387.278
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	38.556.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	59.200.000	-
Cộng		144.338.081.890	19.607.324.156

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Công nghệ Giáo dục AES	2.340.888.000	-
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	500.000.000	500.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	539.560.017	2.872.838.570
Cộng	3.380.448.017	3.372.838.570

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Mối quan hệ		30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	187.205.802
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	500.000.000	500.000.000
Cộng		500.000.000	687.205.802

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLĐ	-	-	1.803.071.867	-
Tạm ứng	832.978.364	-	74.658.687	-
Ký quỹ, ký cược	94.928.000	-	94.928.000	-
Lãi dự thu	-	-	15.625.000	-
Cộng	927.906.364	-	1.988.283.554	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	387.720.000	332.640.000
Cộng	22.610.089.898	22.555.009.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam - bên liên quan) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, tổng giá trị quyết toán công trình là 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.943.964.521	1.473.023.918
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	847.310.899	683.682.019
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.149.714.157	2.417.300.396
- Từ 3 năm trở lên	3.942.025.200	3.658.407.945
Cộng	7.883.014.777	8.232.414.278

11. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.509.296.578	822.135.105	35.151.790.537	993.755.162
Chi phí SX, KD dở dang	11.134.030.994	-	25.706.439.408	-
Thành phẩm	139.208.423.273	8.664.074.826	72.769.504.627	8.839.566.436
Hàng hóa	214.732.886.538	7.444.770.065	108.515.842.022	13.572.666.915
Cộng	397.584.637.383	16.930.979.996	242.143.576.594	23.405.988.513

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2023 là 16.930.979.996 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2023 là 90.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	5.221.932.992	2.412.268.084
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	3.336.111.162	1.339.249.935
Chi phí trả trước khác	572.400.000	686.880.000
Cộng	9.130.444.154	4.438.398.019

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	2.387.450.000	2.762.550.000
Chi phí thuê đất (*)	22.369.487.471	22.724.558.701
Cộng	24.756.937.471	25.487.108.701

(*) Xem Thuyết minh số 37.

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	487.961.925	1.097.916.494	558.520.275	-	1.027.358.144
Thuế TNDN	-	4.711.572.993	6.317.923.982	5.135.587.723	-	5.893.909.252
Thuế TNCN	-	3.601.761.545	954.063.582	5.010.966.082	455.140.955	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	8.439.553	-	-	8.439.553
Cộng	-	8.801.296.463	8.381.343.611	10.708.074.080	455.140.955	6.929.706.949

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	58.772.601.672	4.035.618.480	14.961.234.687	470.534.568	78.239.989.407
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	74.862.250	-	97.000.000	171.862.250
Số cuối kỳ	58.772.601.672	3.960.756.230	14.961.234.687	373.534.568	78.068.127.157
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.625.329.814	522.555.481	12.971.133.498	377.888.449	15.496.907.242
Khấu hao trong kỳ	1.212.050.201	660.426.037	941.693.959	15.583.333	2.829.753.530
T/lý, nhượng bán	-	72.195.922	-	97.000.000	169.195.922
Số cuối kỳ	2.837.380.015	1.110.785.596	13.912.827.457	296.471.782	18.157.464.850
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	57.147.271.858	3.513.062.999	1.990.101.189	92.646.119	62.743.082.165
Số cuối kỳ	55.935.221.657	2.849.970.634	1.048.407.230	77.062.786	59.910.662.307

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 9.396.142.740 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2023.

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.419.706.252	1.419.706.252
Khấu hao trong kỳ	210.015.718	210.015.718
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.629.721.970	1.629.721.970
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	420.031.436	420.031.436
Số cuối kỳ	210.015.718	210.015.718

- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

30/06/2023					01/01/2023	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000
Cộng				770.000.000	-	770.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2023. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	287.251.667.423	17.062.984.626
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	7.643.763.866	4.688.238.146
Phải trả cho các đối tượng khác	65.967.629.638	24.999.275.919
Cộng	360.863.060.927	46.750.498.691

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	11.970.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	287.251.667.423	17.062.984.626
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	27.022.204	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	222.977.205	314.542.130
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	235.155.296	233.138.973
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.494.542.954	4.954.467.734
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	7.643.763.866	4.688.238.146
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.257.950.663	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	-	348.320.580
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	67.867.620	-
Cộng		299.200.947.231	27.613.662.189

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	-	2.320.477.496
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Vĩnh Long	6.444.415.330	172.866.021
Đối tượng khác	8.681.575.499	3.652.384.008
Cộng	15.125.990.829	6.145.727.525

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	-	101.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	-	2.320.477.496
Cộng		-	2.320.578.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí phải trả về biên tập sách	1.894.019.353	2.810.467.205
Chi phí lãi vay phải trả	107.964.401	132.569.769
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	39.529.955.299	61.992.328.211
Chi phí phải trả khác	48.114.712.787	1.370.595.000
Cộng	89.646.651.840	66.305.960.185

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	505.893.040	478.886.280
Phải trả khác	180.863.332	-
Cộng	686.756.372	478.886.280

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	55.097.124.264	129.416.292.628	75.568.893.026	108.944.523.866
- Ngân hàng HSBC	49.606.647.914	94.679.245.136	65.742.858.075	78.543.034.975
- Ngân hàng Standard Chartered	5.490.476.350	34.737.047.492	9.826.034.951	30.401.488.891
Vay dài hạn đến hạn trả	5.560.891.061	-	5.560.891.061	-
- Ngân hàng HSBC	5.560.891.061	-	5.560.891.061	-
Cộng	60.658.015.325	129.416.292.628	81.129.784.087	108.944.523.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	137.287.474.589	1.886.452.483	31.751.784.313	259.312.785.175
Tăng trong năm	-	-	-	17.844.084.313	-	37.912.298.104	55.756.382.417
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.196.874.991	38.196.874.991
Số dư tại 31/12/2022	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Tăng trong kỳ	-	-	-	17.559.507.426	-	21.162.398.743	38.721.906.169
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	31.467.207.426	31.467.207.426
Số dư tại 30/06/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	21.162.398.743	284.126.991.344

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	31.467.207.426	31.751.784.313
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	21.162.398.743	37.912.298.104
Phân phối lợi nhuận	31.467.207.426	38.196.874.991
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	31.467.207.426	31.751.784.313
- Trích quỹ đầu tư phát triển	17.559.507.426	17.844.084.313
- Chia cổ tức cho cổ đông	13.907.700.000	13.907.700.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	6.445.090.678
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.549.475.773
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	-	1.895.614.905
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.162.398.743	31.467.207.426

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQHCD-SED ngày 14/04/2023.

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 14/04/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 15% (tương ứng 13.907.700.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng: 15/05/2023, ngày thực hiện chi trả: 23/06/2023.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu xuất bán phẩm	517.535.153.095	422.258.105.269
Doanh thu khác	6.114.947.018	9.999.286.144
Cộng	523.650.100.113	432.257.391.413

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Hàng bán bị trả lại	1.238.926.522	4.173.429.197
Cộng	1.238.926.522	4.173.429.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn xuất bản phẩm	389.379.500.259	311.303.205.710
Giá vốn sản phẩm khác	5.253.957.945	9.079.410.992
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(6.475.008.517)	(1.733.646.796)
Cộng	388.158.449.687	318.648.969.906

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lãi tiền gửi	603.056.792	190.970.753
Cộng	603.056.792	190.970.753

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí lãi vay	2.117.281.184	2.418.088.771
Chiết khấu thanh toán	292.837.979	-
Cộng	2.410.119.163	2.418.088.771

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí vận chuyển	7.648.884.531	7.090.554.385
Tiền lương và các khoản trích theo lương	11.127.170.467	9.178.796.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.107.116.852	908.597.847
Chi phí mua ngoài	46.494.944.421	37.441.663.677
Các khoản khác	10.700.522.858	8.975.675.441
Cộng	78.078.639.129	63.595.287.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	13.168.009.142	6.886.143.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	932.652.396	1.071.124.169
Trích lập/Hoàn nhập Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(349.399.501)	1.290.937.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.498.769.418	7.425.264.251
Các khoản khác	5.660.463.795	5.235.079.318
Cộng	26.910.495.250	21.908.548.552

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Nhận tiền bảo hiểm hàng hóa	-	41.243.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	39.151.853	-
Cộng	39.151.853	41.243.000

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Các khoản truy thu thuế, phạt thuế	6.916.729	-
Các khoản khác	8.439.553	-
Cộng	15.356.282	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.480.322.725	21.745.280.861
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.989.223.533	1.278.744.751
Điều chỉnh tăng	1.989.223.533	1.278.744.751
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	29.469.546.258	23.024.025.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.317.923.982	4.604.805.122
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	5.893.909.252	4.604.805.122
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	424.014.730	-

32. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.162.398.743	17.140.475.739
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.597.607.786)	(2.913.880.876)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	3.597.607.786	2.913.880.876
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.564.790.957	14.226.594.863
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.894	1.534

(*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích kế hoạch quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.062.635.311	57.480.675.975
Chi phí nhân công	24.295.179.609	16.064.940.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.039.769.248	1.979.722.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.924.132.787	162.958.977.839
Chi phí khác bằng tiền	16.560.112.253	14.430.870.939
Cộng	290.881.829.208	252.915.186.940

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Do đó để giảm thiểu rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, dịch vụ đầu vào Công ty lựa chọn những

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm, đảm bảo giá thông qua việc tập trung số lượng đặt hàng lớn và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý. Với chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	360.863.060.927	-	360.863.060.927
Chi phí phải trả	89.646.651.840	-	89.646.651.840
Vay và nợ thuê tài chính	108.944.523.866	-	108.944.523.866
Phải trả khác	180.863.332	-	180.863.332
Cộng	559.635.099.965	-	559.635.099.965
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.750.498.691	-	46.750.498.691
Chi phí phải trả	66.305.960.185	-	66.305.960.185
Vay và nợ thuê tài chính	60.658.015.325	-	60.658.015.325
Cộng	173.714.474.201	-	173.714.474.201

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.919.927.405	-	56.919.927.405
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	332.916.556.152	-	332.916.556.152
Phải thu khác	94.928.000	22.610.089.898	22.705.017.898
Cộng	389.931.411.557	23.380.089.898	413.311.501.455
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.984.127.588	-	70.984.127.588
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	69.887.570.819	-	69.887.570.819
Phải thu khác	110.553.000	22.555.009.898	22.665.562.898
Cộng	150.982.251.407	23.325.009.898	174.307.261.305

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Phí hội thảo	8.896.064.818	13.243.741.296
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng SGK, STK	27.024.045.500	19.033.387.480
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Tiền Giang	Cung ứng SGK, STK	23.611.951.832	23.026.810.272
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Cung ứng SGK, STK	8.125.268.150	8.231.443.764
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	12.480.000	-
Công ty CP Học liệu	Cung ứng SGK, STK	1.813.122.065	3.740.669.682
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Cung ứng SGK, STK	116.844.262.285	84.345.664.160
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng SGK, STK, TBGD	9.735.688.350	8.993.714.236
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng SGK, STK	84.854.820	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng SGK, STK	6.779.357.000	6.615.385.030
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng SGK, STK	6.336.782.827	4.728.331.165
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK	938.187.850	944.575.130
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	38.556.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng STK	59.200.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cung ứng vật tư	84.952.800	-
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	5.696.790.108	12.911.955.763
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	336.849.953.250	293.147.869.125
	Mua vật tư	1.022.100.000	866.200.000
	Phí xuất bản, phí bản quyền, tổ chức bản thảo	16.581.119.667	14.749.529.871
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	591.013.450	986.918.311
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	464.832.075	1.925.000
Công ty CP Học liệu	Mua SGK, STK	2.667.919.620	5.956.729.245
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Mua SGK, STK	7.333.390.237	13.612.724.348
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách bổ trợ, STK	746.898.085	1.929.950.056
	Phí nhuận bút, tổ chức bản thảo, chi phí thè	34.452.068.020	29.528.056.730
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua SGK, STK	389.584.676	127.823.468
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua SGK, STK	7.965.480.000	3.306.600.000
	Phí nhuận bút	1.489.885.000	1.202.860.000
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	2.918.974.775	2.788.367.652
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK, STK	304.252.800	584.420.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phí tổ chức bản thảo	162.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	-	542.644.480
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua SGK, STK	152.820.420	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị đã nhận trong kỳ

			6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Thưởng	178.000.000	160.477.000
Đinh Gia Lê	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	36.000.000
		Thưởng	129.000.000	167.912.000
Lê Phương Mai	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	36.000.000
		Thưởng	129.000.000	119.738.000
Bùi Thu Giang	Ủy viên	Thù lao	-	18.000.000
		Thưởng	22.500.000	119.738.000
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	36.000.000
		Thưởng	129.000.000	89.804.000
Nguyễn Phong Yên	Ủy viên	Thù lao	36.000.000	18.000.000
		Thưởng	106.500.000	-
Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	-
		Thưởng	-	-

d. Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã nhận trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.910.963.750	1.353.849.577

e. Thù lao của Ban kiểm soát đã nhận trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Thù lao của Ban kiểm soát	94.801.522	99.825.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến 16/12/2054.

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

THÀNH